

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỢP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 8 năm 2026

(Kèm theo báo thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 8 năm 2026)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCUĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản	Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản lương và PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	20	22	24	26	D
	Phần I		179,50	4,60	5,80	1,80	0,05	0,25	18,30	73,83	265,77	621.911.862	0	0	2.808.000	34.510.133	6.470.650	4.313.767	573.809.312	
1	Trần Hữu Vinh	V.08.01.02	6,10	0,70					20%	1,36	8,16	19.094.400	0	0		1.272.960	238.680	159.120	17.423.640	
2	Nguyễn Hoàng	V.08.01.03	5,08	0,60					40%	2,27	7,95	18.607.680	0	0		1.063.296	199.368	132.912	17.212.104	
3	Huỳnh Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30					20%	0,92	5,54	12.972.960	0	0	0	864.864	162.162	108.108	11.837.826	
4	Lê Văn Toàn	V.11.06.14	4,32						20%	0,86	5,18	12.130.560	0	0		808.704	151.632	101.088	11.069.136	
5	Bùi Thị Thanh Huyền Thảo	V.01.02.03	3,26		0,20				20%	0,65	4,11	9.622.080	0	0	0	610.272	114.426	76.284	8.821.098	
6	Nguyễn Xuân Trường	V.06.031	4,32	0,40		0,20			20%	0,94	5,86	13.721.760	0	0	0	883.584	165.672	110.448	12.562.056	
7	Cao Thanh Sang	V.06.031	3,99	0,30					20%	0,86	5,15	12.046.320	0	0	0	803.088	150.579	100.386	10.992.267	
8	Trần Thị Bích Phượng	V.06.031	3,99						20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0	0	746.928	140.049	93.366	10.223.577	
9	Nguyễn Thúy Kiều	V.06.032	3,65						20%	0,73	4,38	10.249.200	0	0	0	683.280	128.115	85.410	9.352.395	
10	Nguyễn Thị Kim Định	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
11	Phan Thị Hiền Lương	V.06.031	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
12	Nguyễn Thị Thanh Sương	V.06.032	3,34			0,10			20%	0,67	4,11	9.612.720	0	0		625.248	117.234	78.156	8.792.082	
13	Huỳnh Thị Yến Vi	V.06.032	2,10						20%	0,42	2,52	5.896.800	0	0	0	393.120	73.710	49.140	5.380.830	Bổ nhiệm vào ngạch
	Cộng		50,47	2,30	0,20	0,30	0,00	0,00	2,80	11,69	64,96	152.006.400	0	0	0	9.878.544	1.852.227	1.234.818	139.040.811	
14	Lê Văn Mẫn	V.08.05.12	3,99	0,30	0,20				60%	2,57	7,06	16.529.760	0	0	20.348	803.088	150.579	100.386	15.455.359	Ct 1 ngày
15	Huỳnh Thị Lương	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30	0,0000		60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	305.217	683.280	128.115	85.410	13.633.578	P 15 ngày
16	Huỳnh Văn Tuất	V.08.01.03	3,99		0,20	0,30			60%	2,39	6,88	16.108.560	0	0	61.043	746.928	140.049	93.366	15.067.174	Tăng PCUĐN, PCTN, PCĐH, Học 3 ngày
17	Nguyễn Thị Bận	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	20.348	683.280	128.115	85.410	13.918.447	P 1 ngày

18	Trịnh Thị Thúy Nga	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
19	Huỳnh Văn Văn	V.08.07.18	4,32						50%	2,16	6,48	15.163.200	0	0	0	808.704	151.632	101.088	14.101.776	
20	Trịnh Như Hoa	V.08.05.12	4,32						40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
21	Nguyễn Bá Tông	V.08.05.12	4,32	0,30					40%	1,85	6,47	15.135.120	0	0	0	864.864	162.162	108.108	13.999.986	
22	Nguyễn Thị Anh Tiến	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
23	Lê Nhật Linh	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	101.739	683.280	128.115	85.410	11.426.856	P 5 ngày
24	Nguyễn Thị Kim Huệ	V.08.06.16	3,34						40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	Giảm PCTN
25	Nguyễn Thị Phương	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
26	La Thị Dũng	V.08.06.15	4,32		0,20	0,10			40%	1,73	6,35	14.854.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.792.896	
27	Phạm Thị Thuý Thu	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	61.043	685.152	128.466	85.644	11.731.855	P 2 ngày, Th 1 ngày
28	Trần Thị Thuởng	V.08.06.15	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	20.348	803.088	150.579	100.386	13.447.639	Th 1 ngày
29	Huỳnh Thị Thu Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30	0,20				40%	1,85	6,67	15.603.120	0	0	447.652	864.864	162.162	108.108	14.020.334	Tr 1 ngày
30	Nguyễn Thị Tánh	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	386.609	746.928	140.049	93.366	12.172.288	Tr 4 ngày
31	Nguyễn Thị Kim Phương	V.08.05.12	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	386.609	746.928	140.049	93.366	12.172.288	Tr 4 ngày
32	Nguyễn Thị Lệ Thủy	V.08.06.16	3,65		0,20	0,00			40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	386.609	683.280	128.115	85.410	11.141.986	H 4 ngày
33	Lê Thị Thuý Cẩm	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				50%	2,74	8,42	19.702.800	0	0	20.348	1.025.856	192.348	128.232	18.336.016	H 1 ngày
34	Trần Thị Mỹ Lan	V.08.05.13	3,96						50%	1,98	5,94	13.899.600	0	0	0	741.312	138.996	92.664	12.926.628	
35	Nguyễn Thị Nở	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	12.811.500	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.914.695	
36	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	V.08.05.13	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	81.391	746.928	140.049	93.366	12.477.506	P 4 ngày
37	Trịnh Thị Mỹ Luận	V.08.05.13	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.528.595	
38	Dương Thành Tứ	V.08.01.03	4,98	0,30	0,40		5%	0,2490	70%	3,87	9,80	22.930.362	0	0	0	1.035.029	194.068	129.379	21.571.886	
39	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	V.08.05.12	3,99		0,40				60%	2,39	6,78	15.874.560	0	0	0	746.928	140.049	93.366	14.894.217	
40	Võ Thị Lành	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	14.601.600	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.704.795	
41	Lê Thị Mỹ	V.08.05.13	3,65		0,40				60%	2,19	6,24	14.601.600	0	0	40.696	683.280	128.115	85.410	13.664.099	P 1 ngày
42	Nguyễn Trung Thành	V.08.01.03	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
43	Nguyễn Thị Phương	V.08.05.13	3,34						40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
44	Đỗ Thị Ngọc Hiền	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	8.746.920	0			499.824	93.717	62.478	8.090.901	
45	Nguyễn Hồng Quang	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	61.043	746.928	140.049	93.366	12.497.854	P 3 ngày
46	Trần Hoà Phương	V.08.07.18	3,99		0,40				40%	1,60	5,99	14.007.240	0	0	406.957	746.928	140.049	93.366	12.619.940	P 10 ngày
	Cộng		129,03	2,30	5,60	1,50	0,05	0,25	15,50	62,14	200,81	469.905.462	0	0	2.808.000	24.631.589	4.618.423	3.078.949	434.768.501	

	Phần II		196,24	7,40	5,20	2,70	0,12	0,60	21,50	83,09	295,22	690.825.658	0	0	1.917.782	38.233.279	7.168.740	4.779.160	638.726.697	
47	Lưu Kim Hoàng	V.08.01.02	4,74	0,60					40%	2,14	7,48	17.493.840	0	0	0	999.648	187.434	124.956	16.181.802	
48	Nguyễn Thị Kim Luyến	V.08.05.12	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
49	Đỗ Minh Mão	V.08.04.10	3,66						20%	0,73	4,39	10.277.280	0	0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	
50	Phùng Thị Bích Thủy	V.08.06.16	4,27						40%	1,71	5,98	13.988.520	0	0	0	799.344	149.877	99.918	12.939.381	
51	Nguyễn Thị Thanh Ly	V.05.02.07	3,33						20%	0,67	4,00	9.350.640	0	0	0	623.376	116.883	77.922	8.532.459	
52	Vô Thị Hồng Nga	V.08.06.15	4,32	0,40					20%	0,94	5,66	13.253.760	0	0	0	883.584	165.672	110.448	12.094.056	
53	Nguyễn Thị Tiêng	V.08.05.12	3,99						40%	1,60	5,59	13.071.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.090.897	
54	Nguyễn Thị Loan	V.08.05.12	3,99						40%	1,60	5,59	13.071.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.090.897	
55	Nguyễn Thị Ngọc Hương	V.09.04.03	2,26						20%	0,45	2,71	6.346.080	0	0	0	423.072	79.326	52.884	5.790.798	
56	Lê Thị Diễm My	01.003	3,33						20%	0,67	4,00	9.350.640	0	0	0	623.376	116.883	77.922	8.532.459	
57	Đặng Thị Kim Thi	02.007	3,00						20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
58	Đinh Văn Đất	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	6.570.720	0	0	0	438.048	82.134	54.756	5.995.782	
59	Huỳnh Văn Chương	01.003	2,34						20%	0,47	2,81	6.570.720	0	0	0	438.048	82.134	54.756	5.995.782	
60	Trần Thị Thủy Song	V06.031	3,66						20%	0,73	4,39	10.277.280	0	0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	
	Cộng		48,89	1,00	0,00	0,00	0,00	0,00	3,80	14,23	64,12	150.036.120	0	0	0	9.339.408	1.751.139	1.167.426	137.778.147	
61	Nguyễn Công Tráng	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20				60%	3,29	8,97	20.985.120	0	0	20.348	1.025.856	192.348	128.232	19.618.336	Ct 1 ngày
62	Trần Văn Thu	V.08.01.02	5,42	0,30	0,20				60%	3,43	9,35	21.883.680	0	0	172.957	1.070.784	200.772	133.848	20.305.319	Tăng lương, P 8 ngày, Th 0,5 ngày
63	Nguyễn Thị Bích Hạnh	V.08.01.03	3,00							0,00	3,00	7.020.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	6.282.900	Đi học
64	Trương Thị Thuý Giang	V.08.01.03	2,67		0,20	0,30			60%	1,60	4,77	11.166.480	0	0	162.783	499.824	93.717	62.478	10.347.678	Tăng PCƯĐN, PCTN, PCĐH, Học 8 ngày
65	Lê Thị Thanh Tâm	V.08.05.13	3,99		0,20	0,30			60%	2,39	6,88	16.108.560	0	0	61.043	746.928	140.049	93.366	15.067.174	Th 1 ngày, P 2 ngày
66	Trương Thị Dư	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30			60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
67	Phan Thanh Tài	V.08.05.12	3,00		0,20	0,30			60%	1,80	5,30	12.402.000	0	0	81.391	561.600	105.300	70.200	11.583.509	P 4 ngày
68	Phan Thị Thanh Nguyệt	V.08.05.13	3,34		0,20	0,30			60%	2,00	5,84	13.674.960	0	0	0	625.248	117.234	78.156	12.854.322	
69	Nguyễn Thị Mỹ	V.08.05.13	2,41		0,20	0,30			60%	1,45	4,36	10.193.040	0	0	0	451.152	84.591	56.394	9.600.903	
70	Đinh Thị Mỹ Hân	V.08.05.12	2,67		0,20	0,30			60%	1,60	4,77	11.166.480	0	0	81.391	499.824	93.717	62.478	10.429.070	P 4 ngày
71	Lưu Thị Nga	V.08.05.13	3,96		0,20	0,30			60%	2,38	6,84	15.996.240	0	0	0	741.312	138.996	92.664	15.023.268	
72	Lâm Thị Thu Thuý	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	7.895.160	0	0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
73	Trần Xuân Tín	V.08.05.13	2,10			0,30			60%	1,26	3,66	8.564.400	0	0	0	393.120	73.710	49.140	8.048.430	
74	Đặng Anh Tuyền	V.08.01.03	4,98	0,40	0,20		7%	0,3486	40%	2,29	8,22	19.234.894	0	0	0	1.072.394	201.074	134.049	17.827.377	
75	Lưu Trọng Ảnh	V.08.01.03	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	10.296.000	0	0	81.391	561.600	105.300	70.200	9.477.509	P 4 ngày

76	Đỗ Thị Ngọc Hào	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	
77	Nguyễn Thị Mộng Thúy	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	
78	Phạm Hùng Vương	V.08.03.03	3,66						40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
79	Nguyễn Văn Chí	V.08.01.03	3,33	0,30	0,20				50%	1,82	5,65	13.209.300	0	0	0	679.536	127.413	84.942	12.317.409	
80	Nguyễn Thanh Mai	V.08.01.03	3,66	0,30					40%	1,58	5,54	12.972.960	0	0	0	741.312	138.996	92.664	11.999.988	
81	Trương Thị Kim Chi	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	
82	Đinh Văn Phong	V.08.05.12	3,66						50%	1,83	5,49	12.846.600	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.947.338	
83	Lê Thị Thanh Tuyền	V.08.05.12	3,99						50%	2,00	5,99	14.004.900	0	0	0	746.928	140.049	93.366	13.024.557	
84	Phùng Thị Mai Loan	V.08.01.02	5,42	0,40	0,20				40%	2,33	8,35	19.534.320	0	0	162.783	1.089.504	204.282	136.188	17.941.563	P 8 ngày
85	Trần Thị An	V.08.01.02	5,42	0,30	0,20				40%	2,29	8,21	19.206.720	0	0	0	1.070.784	200.772	133.848	17.801.316	
86	Huỳnh Thị Kim Xuyên	V.08.06.15	4,98	0,30			5%	0,2490	40%	2,21	7,74	18.113.004	0	0	0	1.035.029	194.068	129.379	16.754.528	
87	Nguyễn Thanh Đình	V.08.01.02	4,74	0,40	0,20				40%	2,06	7,40	17.306.640	0	0	406.957	962.208	180.414	120.276	15.636.785	Tr 3 ngày
88	Ngô Thị Mơ	V.08.01.03	3,99	0,30	0,20				40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	427.304	803.088	150.579	100.386	13.040.683	Tr 2 ngày
89	La Thị Nhân	V.08.01.03	4,32	0,30	0,20				40%	1,85	6,67	15.603.120	0	0	101.739	864.864	162.162	108.108	14.366.247	P 5 ngày
90	Nguyễn Trần Khoa	V.08.05.12	3,66	0,30	0,20				40%	1,58	5,74	13.440.960	0	0	0	741.312	138.996	92.664	12.467.988	
91	Nguyễn Thị Hà	V.08.05.12	3,99	0,30	0,40				60%	2,57	7,26	16.997.760	0	0	81.391	803.088	150.579	100.386	15.862.316	P 2 ngày
92	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.08.01.03	3,66							0,00	3,66	8.564.400	0	0	0	685.152	128.466	85.644	7.665.138	
93	Trần Thị Hiệp	V.08.05.12	3,66	0,30					40%	1,58	5,54	12.972.960	0	0	0	741.312	138.996	92.664	11.999.988	
94	Cao Thanh Toàn	V.08.08.22	3,99	0,40					40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
95	Nguyễn Thị Minh Hiếu	V.08.05.11	4,74	0,40					40%	2,06	7,20	16.838.640	0	0	0	962.208	180.414	120.276	15.575.742	Tăng PCCV
96	Trần Thị Thu Tiết	V.08.07.18	3,66	0,30	0,20				40%	1,58	5,74	13.440.960	0	0	0	741.312	138.996	92.664	12.467.988	
97	Huỳnh Hữu Phước	V.08.01.02	4,74	0,30	0,10				40%	2,02	7,16	16.745.040	0	0	0	943.488	176.904	117.936	15.506.712	
98	Nguyễn Đình Dũng	V.08.01.02	5,42	0,40	0,10				40%	2,33	8,25	19.300.320	0	0	76.304	1.089.504	204.282	136.188	17.794.042	P 6,5 ngày, Th 1 ngày
99	Nguyễn Thị Kim Ngọc	V.08.05.13							60%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghi TS
	Cộng		147,35	6,40	5,20	2,70	0,12	0,60	17,70	68,8590	231,11	540.789.538	0	0	1.917.782	28.893.871	5.417.601	3.611.734	500.948.550	
	Phần I+Phần II		375,74	12,00	11,00	4,50	0,17	0,85	39,80	156,91	561,00	1.312.737.520	0	0	4.725.782	72.743.412	13.639.390	9.092.927	1.212.536.009	
100	Phạm Thị Lệ	V.08.05.13							40%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghi Thai sản
101	Phạm Thị Út Trinh	V.08.01.03	3,00		0,20	0,10			40%	1,20	4,50	10.530.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	9.792.900	
102	Nguyễn Thị Cẩm Thi	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10			40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	20.348	685.152	128.466	85.644	11.772.550	P 1 ngày
103	Nguyễn Thị Hường	V.08.06.16	3,65			0,10			40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0		683.280	128.115	85.410	11.294.595	
104	Đinh Thị Thôm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	

105	Nguyễn Thị Thanh Thuý	V.08.06.15	3,99		0,20	0,10			40%	1,60	5,89	13.773.240	0	0	81.391	746.928	140.049	93.366	12.711.506	P 4 ngày
106	Nguyễn Thị Lâm	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	3.925.350	3.925.350	0	685.152	128.466	85.644	7.399.548	Ô 11 ngày
107	Nguyễn Thị Thanh Trà	V.08.06.15	4,32			0,10			40%	1,73	6,15	14.386.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.324.896	
108	Nguyễn Thị Tuyết	V.08.06.15	3,66			0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
109	Nguyễn Thị Thuý	V.08.06.15	3,99			0,10			40%	1,60	5,69	13.305.240	0			746.928	140.049	93.366	12.324.897	Tăng PCTN
110	Nguyễn An Khanh	V.08.01.03	4,98		0,20				40%	1,99	7,17	16.782.480	0	0	468.000	932.256	174.798	116.532	15.090.894	
111	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	386.609	509.184	95.472	63.648	8.323.807	Tr 4 ngày
112	Phú Thị Bích Liên	V.08.05.12	3,00		0,20				40%	1,20	4,40	10.296.000	0	0	427.304	561.600	105.300	70.200	9.131.596	Tr 2 ngày
113	Lê Thị Mỹ Diễm	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	386.609	685.152	128.466	85.644	11.172.289	Tr 4 ngày
114	Phạm Thị Loan	V.08.05.12	3,66		0,20				40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	386.609	685.152	128.466	85.644	11.172.289	Tr 4 ngày
115	Trương Thị Bích Phương	V.08.05.13	2,72		0,20				40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	386.609	509.184	95.472	63.648	8.323.807	Tr 4 ngày
116	Lê Thị Thu Hiền	V.08.05.13	2,41		0,20				40%	0,96	3,57	8.363.160	0	0	468.000	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
117	Thái Thị Hồng Nhi	V.08.01.03	2,67						50%	1,34	4,01	9.371.700	0		0	499.824	93.717	62.478	8.715.681	
118	Nguyễn Thị Lạc	V.08.05.13	3,65						50%	1,83	5,48	12.811.500	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.914.695	
119	Lê Thị Tuyết Trang	V.08.05.13	3,34		0,20				40%	1,34	4,88	11.409.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.589.202	
120	La Thị Kiều Diễm	V.08.05.12	3,00						50%	1,50	4,50	10.530.000	0	0	0	561.600	105.300	70.200	9.792.900	
121	Nguyễn Thị Minh Khá	V.08.05.12	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0		0	808.704	151.632	101.088	13.558.896	
122	Nguyễn Thị Đào	V.08.05.13	3,65		0,20				50%	1,83	5,68	13.279.500	0	0	162.783	683.280	128.115	85.410	12.219.912	P 8 ngày
123	Trần Thị Nhân	V.08.05.13	2,10						40%	0,84	2,94	6.879.600	0	0	0	393.120	73.710	49.140	6.363.630	
124	Phan Thị Sáu	V.08.01.03	4,32		0,40				70%	3,02	7,74	18.120.960	0	0	81.391	808.704	151.632	101.088	16.978.145	P 2 ngày
125	Võ Thị Tuyết Nhung	V.08.05.13	4,27		0,40				70%	2,99	7,66	17.922.060	0	0	203.478	799.344	149.877	99.918	16.669.443	P 5 ngày
126	Nguyễn Thị Luyến	V.08.05.13							40%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghi Ô 21 ngày
127	Nguyễn Thị Mơ	V.08.05.13	2,41						40%	0,96	3,37	7.895.160	0	0	0	451.152	84.591	56.394	7.303.023	
128	Nguyễn Thị Ngọc Bích	V.08.03.07	3,26						40%	1,30	4,56	10.679.760	0	0	0	610.272	114.426	76.284	9.878.778	
129	Nguyễn Cảnh Lễ	V.08.01.03	4,32						40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
130	Võ Thị Hồng Nhung	V.08.07.19	3,03						40%	1,21	4,24	9.926.280	0	0	0	567.216	106.353	70.902	9.181.809	
131	Phan Công Hồng	V.08.07.18	3,33							0,00	3,33	7.792.200	0		0	623.376	116.883	77.922	6.974.019	Đi học, giám PCUBND
132	Trần Thị Đua	V.08.07.19	3,03							0,00	3,03	7.090.200	0		0	567.216	106.353	70.902	6.345.729	Đi học, giám PCUBND
133	Trần Bền Thơm	V.08.01.03	2,67						40%	1,07	3,74	8.746.920	0		0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
134	Nguyễn Tấn Phương	V.05.02.08	3,46		0,20				20%	0,69	4,35	10.183.680	0	0	20.348	647.712	121.446	80.964	9.313.210	P 1 ngày

135	Nguyễn Thị Kim Cúc	V.08.08.23	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.558.896	
136	Nguyễn Thị Hằng	V.08.08.23	3,65						40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
137	Thái Thị Sương	V.08.08.23	3,34						40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
138	Trần Quang Thành	V.08.08.23	3,99						40%	1,60	5,59	13.071.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.090.897	
139	Võ Thị Kim Phượng	V.08.08.23	3,33						40%	1,33	4,66	10.909.080	0	0	0	623.376	116.883	77.922	10.090.899	
140	Võ Thị Ái Vân	V.08.08.23	3,65		0,20				40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	20.348	683.280	128.115	85.410	11.508.247	Ct 1 ngày
141	Nguyễn Thị Vân	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
142	Nguyễn Đình Cường	V.08.08.22	2,67						40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
143	Nguyễn Thị Hóa	V.08.05.13	3,65						40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
144	Nguyễn Thành Hoàng	V.08.05.12	4,32		0,20				40%	1,73	6,25	14.620.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.558.896	
145	Ngô Thị Minh Thao	V.08.05.12	4,32		0,00				40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
146	Huỳnh Văn Tân	V.08.07.18	4,32		0,30				40%	1,73	6,35	14.854.320	0	0	61.043	808.704	151.632	101.088	13.731.853	P 2 ngày
147	Nguyễn Thanh Yên	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	40.696	746.928	140.049	93.366	12.518.201	P 2 ngày
148	Nguyễn Hồng Vân	V.08.07.18	4,98		0,30		5%	0,2490	60%	3,14	8,67	20.279.376	0	0	0	978.869	183.538	122.359	18.994.610	
149	Lê Thị Hồng Nhung	V.08.07.18	3,66		0,30				70%	2,56	6,52	15.261.480	0	0	0	685.152	128.466	85.644	14.362.218	
150	Nguyễn Thị Thật	V.08.06.16	3,65						40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
151	Phan Thị Thủy	V.08.06.16	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.294.595	
152	Nguyễn Thị Ánh Trúc	V.08.06.13	3,65		0,10				40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	20.348	683.280	128.115	85.410	11.274.247	P 2 ngày
153	Trần Thành Kiêm	V.08.07.19	3,96		0,40				40%	1,58	5,94	13.908.960	0	0	0	741.312	138.996	92.664	12.935.988	
154	Hồ Dương Phúc	V.08.03.07	3,99		0,10				40%	1,60	5,69	13.305.240	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.324.897	
155	Trần Thị Phương	V.08.07.18	3,99		0,20				40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	122.087	746.928	140.049	93.366	12.436.810	P 6 ngày
156	Nguyễn Hữu Quảng	V.08.07.18	3,33		0,40				40%	1,33	5,06	11.845.080	0	0	0	623.376	116.883	77.922	11.026.899	
157	Đặng Vũ	V.08.07.19	3,34		0,40				40%	1,34	5,08	11.877.840	0	0	0	625.248	117.234	78.156	11.057.202	
	Phần III		199,99	0,00	7,00	0,90	0,05	0,25	23,70	82,88	291,02	680.978.376	3.925.350	3.925.350	3.744.001	37.484.741	7.028.389	4.685.593	624.110.302	
	Tổng cộng I+II+III		575,730	12,00	18,00	5,40	0,22	1,10	63,50	239,79	852,02	1.993.715.896	3.925.350	3.925.350	8.469.783	110.228.153	20.667.779	13.778.520	1.836.646.311	

Tổng số tiền bằng chữ: Một tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm mười một đồng chẵn.

Mã QHNS: 1047707

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG

CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 8 năm 2026

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTNV K	Phụ cấp TNVK	% PCUĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai	Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Lương			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	20	22	24	26	D
1	Nguyễn Tấn Trung	1.005	4,03				5%	0,20	20%	0,85	5,08	11.882.052	0	0		792.137	148.526	99.017	10.842.372	
	Cộng		4,03	0,0	0,0	0,0		0,20		0,85	5,08	11.882.052	0	0	0	792.137	148.526	99.017	10.842.372	

Tổng số tiền bằng chữ : Mười triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng chẵn.